

Thứ sáu, ngày 23 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Thị trường khởi sắc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/4/2021		•	
Tuần 26/4-30/4/2021		•	
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh mạnh hôm qua, VN-Index đã nhanh chóng đã khởi sắc lại trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư chảy mạnh vào thị trường khi có đến 18/19 khi có đến tăng điểm. Độ rộng thị trường tích cực và thanh khoản duy trì ở mức cao phản ánh tâm lý hưng phấn giao dịch. Đặc biệt, khối ngoại đã mua ròng trở lại trong cả hai sàn và góp phần vào đà tăng điểm của thị trường. Với dòng tiền nội và ngoại trở lại thị trường tại ngưỡng 1220 điểm, VN-Index có thể sẽ kiểm ta lại ngưỡng 1260 điểm vào tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: LHG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Cập nhật PPC (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index +20.71 điểm, đóng cửa 1,248.53 điểm. HNX-Index -3.41 điểm, đóng cửa 283.63 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: CTG (+2.13), VHM (+1.69), VPB(+1.31), HPG(+1.24), BID(+1.07)
- Kéo chỉ số giảm: SSB(-0.45), VIC(-0.45), VJC(-0.13), HAG(-0.09), NVL(-0.08).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 17,954 tỷ đồng, -3.4% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,065 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 32.38 điểm. Thị trường có 305 mã tăng, 44 mã tham chiếu và 115 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 339.11 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (110.5 tỷ), VNM (96.6 tỷ) và VCB (71.6 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 5.45 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1248.53**
Giá trị: 17954.63 tỷ 20.71 (1.69%)
Khối ngoại (ròng): 339.11 tỷ

HNX-INDEX **283.63**
Giá trị: 2711.28 tỷ -3.41 (-1.19%)
Khối ngoại (ròng): 5.45 tỷ

UPCOM-INDEX **80.40**
Giá trị: 912 tỷ 0.65 (0.82%)
Khối ngoại (ròng): -1.07 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	61.6	0.33%
Giá vàng	1,784	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,064	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,720	-0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,376	0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	31.75%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	110.5	VPB	-202.3
VNM	96.6	VRE	-108.5
VCB	71.6	VJC	-50.1
STB	53.3	PLX	-41.5
MSN	52.1	NVL	-34.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật PPC	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 23/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.75	0.52%	-2.30%	1.00%	95.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.64	0.37%	-1.70%	7.90%	85.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	198.69	0.62%	-2.60%	0.00%	104.50%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1787.92	0.22%	0.60%	3.10%	4.81%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.18	0.14%	0.80%	4.30%	74.98%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1512.75	-0.10%	6.30%	6.50%	81.06%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	710.75	0.04%	8.50%	14.90%	32.97%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.56	-0.64%	-2.50%	7.90%	18.90%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	217.42	-0.15%	-0.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.88	-0.06%	3.50%	10.40%	51.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	136.15	1.45%	1.10%	3.10%	15.04%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9401.00	-0.47%	1.30%	3.80%	82.17%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	806.39	0.41%	2.50%	12.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	855.02	0.11%	3.30%	12.30%			
Nhôm	USD/ton	2363.00	-0.06%	1.00%	4.30%	56.49%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	167.97	-0.12%	4.20%	26.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	87.05	0.75%	-0.10%	-2.20%	40.74%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 8 US cent hay 0.1% lên 65.4 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 8 US cent hay 0.1% lên 61.43 USD/thùng.
- Libya cho biết sản lượng dầu của họ giảm khoảng 1 triệu thùng/ngày trong những ngày gần đây và có thể giảm hơn nữa do những vấn đề ngân sách.
- Các nhà máy lọc dầu của Tập đoàn Dầu mỏ Ấn Độ đang hoạt động với khoảng 95% công suất, giảm từ 100% tại cùng thời điểm trong tháng trước.Nhật Bản, nước nhập khẩu dầu lớn thứ 4 thế giới dự kiến thông báo đợt phong tỏa thứ 3. Iran có khả năng cung cấp thêm 1 tới 2 triệu thùng dầu mỗi ngày nếu thỏa thuận hạt nhân năm 2015 được khôi phục.
- Trong dài hạn nhu cầu dầu mỏ dự kiến sẽ bị ảnh hưởng khi ngày càng có nhiều quốc gia áp dụng các chính sách chống biến đổi khí hậu. Mỹ và các nước khác đã tăng mục tiêu cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính tại hội nghị thượng đỉnh khí hậu toàn cầu do Tổng thống Joe Biden chủ trì, một sự kiện nhằm phục hồi vai trò lãnh đạo của Mỹ trong cuộc chiến chống lại sự nóng lên toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.7% xuống 1,781.46 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.6% xuống 1,782 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên giảm 0.5% sau 5 phiên tăng. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Singapore giảm 1.1%. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc đạt 188.5 USD/tấn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 1% lên 5,208 CNY/tấn. Nhu cầu sản phẩm thép mạnh mẽ tại thời điểm khi Trung Quốc cắt giảm sản lượng bằng cách hạn chế hoạt động của các lò cao gây ô nhiễm và khả năng hạn chế hơn nữa đã đẩy lợi nhuận tăng, thúc đẩy các nhà máy tăng cường sản xuất. Sản lượng thép thô của 318 nhà máy thép Trung Quốc theo khảo sát của công ty tư vấn Mysteel tăng lên trung bình 2.92 triệu tấn mỗi ngày trong giai đoạn 11/4 tới 20/4.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Osaka tăng 2.4 JPY lên 235.6 JPY (2.2 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 140 CNY lên 13,990 CNY (2,157 USD)/tấn.
- Số ca nhiễm Covid-19 của Ấn Độ ngày 22/4 được báo cáo tăng 314,835 ca trong vòng 24 giờ, trong khi Nhật Bản dự kiến sẽ ban hành tình trạng khẩn cấp thứ 3 ở Tokyo và 3 tỉnh phía tây có thể kéo dài trong khoảng 2 tuần.

	23/4	% 23/4	22/4	% 22/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1248.53	1.69%	1227.82	-3.19%	0.10%	5.50%
S&P 500			4134.98	-0.92%	-0.85%	4.93%
HĐTL S&P500	4136.75	0.22%	4127.70	-0.89%	-0.95%	6.60%
Shang- hai	3474.17	0.26%	3465.11	-0.23%	1.39%	1.84%
Euro Stoxx	4008.41	-0.16%	4014.80	0.97%	-0.61%	4.55%

Phân tích kỹ thuật

LHG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: LHG đang ở trong trạng thái tích lũy trung hạn tại khu vực 32-36 trong 2 tháng qua. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Hôm nay, đường EMA12 vừa cắt lên trên EMA26 đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của LHG nằm tại khu vực xung quanh 35.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 39.8, cắt lỗ nếu ngưỡng 34.2 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

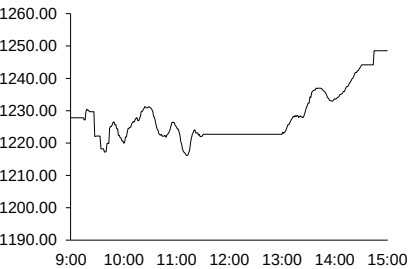
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-0.30%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.22%
Dầu khí	0.28%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.48%
Bất động sản	0.65%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.81%
Xây dựng và Vật liệu	0.96%
Truyền thông	1.41%
Bảo hiểm	1.41%
Thực phẩm và đồ uống	1.49%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.75%
Ô tô và phụ tùng	1.93%
Ngân hàng	2.35%
Tài nguyên Cơ bản	2.50%
Hóa chất	2.60%
Bán lẻ	2.85%
Dịch vụ tài chính	3.16%
Công nghệ Thông tin	3.37%

Hình 1

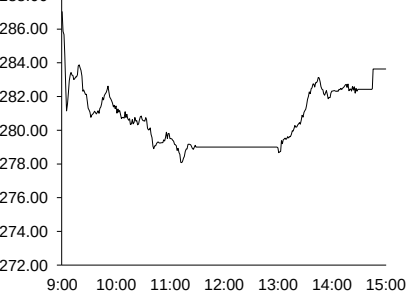
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

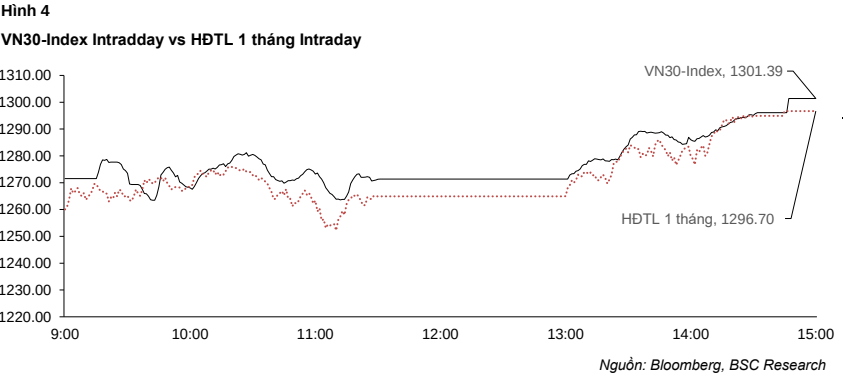
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	22.6	1	2.73%	Có thể tiếp tục mua
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	24.7	3	2.28%	Có thể tiếp tục mua
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	28.9	4	-0.86%	Có thể tiếp tục mua
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	56.4	7	3.30%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	25.85	8	1.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	40.5	11	-3.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	83	14	1.10%	Có thể tiếp tục mua
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.5	24	-1.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	59	35	-3.28%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	12.85	60	-9.51%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	SL	21	-13.29%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	SL	28	-11.11%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	5	2.27%	-3.72%	-0.72%	17
Cổ phiếu đã chốt	132	77	13.35%	-8.06%	5.46%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1296.70	2.81%	-4.69	10.0%	272,343	5/20/2021	27
VN30F2106	1294.90	-0.06%	-6.49	-26.1%	579	6/17/2021	55
VN30F2109	1295.00	2.70%	-6.39	-14.5%	136	9/16/2021	146
VN30F2112	1290.00	2.14%	-11.39	10.7%	62	12/16/2021	237

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +29.86 điểm, lên 1301.39 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, STB, HPG, FPT, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1265-1275 điểm trong phiên sáng, sau đó tăng mạnh trong phiên chiều lên quanh 1300 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2001	5/14/2021	21	4:1	422,200	31.26%	1,400	2,340	17.00%	2,287	1.02	31,822	26,222	35,300
CSTB2103	8/9/2021	108	2:1	927,400	41.47%	1,400	4,300	15.59%	2,523	1.70	20,800	18,000	22,450
CSTB2007	4/27/2021	4	2:1	1,088,600	41.47%	1,500	6,100	13.38%	5,750	1.06	13,999	10,999	22,450
CMWG2015	5/10/2021	17	10:1	736,500	29.11%	1,900	4,800	11.63%	4,772	1.01	119,000	100,000	147,500
CSTB2014	6/14/2021	52	1:1	1,145,600	41.47%	3,800	11,000	11.45%	10,531	1.04	15,800	12,000	22,450
CVHM2008	6/11/2021	49	10:1	892,700	29.34%	1,400	3,800	5.56%	1,691	2.25	102,888	88,888	105,000
CHPG2103	7/6/2021	74	2:1	517,500	32.71%	3,900	9,400	5.03%	7,426	1.27	49,800	42,000	56,400
CHPG2018	5/14/2021	21	4:1	864,600	32.71%	1,200	6,850	4.10%	6,621	1.03	34,799	29,999	56,400
CHPG2104	7/5/2021	73	3:1	324,700	32.71%	1,500	5,950	2.76%	4,059	1.47	49,300	44,800	56,400
CTCB2012	7/30/2021	98	1:1	566,900	33.58%	5,400	19,400	2.37%	18,779	1.03	27,400	22,000	40,500
CHDB2007	4/27/2021	4	5:1	834,000	32.41%	1,300	3,300	0.61%	18	185.60	20,771	16,831	26,900
CVPB2015	7/30/2021	98	1:1	288,300	36.48%	5,600	25,620	0.08%	25,330	1.01	31,600	26,000	51,000
CVHM2104	8/9/2021	108	10:1	749,400	29.34%	1,600	3,800	0.00%	1,144	3.32	114,000	98,000	105,000
CVRE2013	7/30/2021	98	1:1	384,300	32.65%	5,000	8,700	-0.11%	5,983	1.45	32,500	27,500	32,800
CSBT2007	4/27/2021	4	2:1	961,600	41.09%	1,700	2,650	-0.38%	2,205	1.20	18,788	15,495	20,400
CNVL2003	6/11/2021	49	10:1	2,001,600	26.08%	1,000	4,440	-1.55%	4,343	1.02	73,979	63,979	107,000
CHPG2022	5/4/2021	11	2:1	317,000	32.71%	2,100	14,600	-2.67%	14,719	0.99	31,200	27,000	56,400
CTCB2013	5/4/2021	11	1:1	330,700	33.58%	4,700	17,380	-2.69%	17,533	0.99	27,700	23,000	40,500
CVRE2014	5/4/2021	11	1:1	626,200	32.65%	4,600	5,970	-3.24%	5,340	1.12	32,100	27,500	32,800
Tổng				13,979,800	33.83%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CSTB2101 và CKDH2004 tăng mạnh lần lượt là 23.23% và 19.23%. Trái lại, CVHM2006 giảm mạnh -9.09%. Giá trị giao dịch giảm -0.82%. CSTB2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.30% thị trường.
- CHPG2102, CKDH2004, CHPG2105, CVPB2011, và CREE2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CKDH2001, và CHPG2022 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CMWG2013, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

PPC_GIÁ HIỆN TẠI 27,000 VNĐ/CP_Cập nhật ĐHCĐ 2021_BSC Company Update

Mã: PPC (HSX), Vốn hóa: 8,640 tỷ VNĐ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 320.6 triệu CP, Giá thị trường: 27,000 VNĐ/CP, Sở hữu nước ngoài: 14.5%

Chuyên viên Phân tích: Phạm Nguyên Long

Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

Công ty đặt doanh thu và lợi nhuận trước thuế kế hoạch lần lượt là **5,658 tỷ VNĐ (-28.6% yoy)** và **414.6 tỷ (-65.6% yoy)**. Tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt năm 2020 dự kiến là 58.94% (tương đương 5,894 VNĐ/CP). Công ty đặt mục tiêu cổ tức tiền mặt năm 2021 là 15%.

Cập nhật KQKD Q1/2021:

Trong Q1/2021, PPC ghi nhận **DTT = 1,078 tỷ VNĐ (-52% yoy)**, tương đương 19% kế hoạch. Sản lượng điện trong Q1/2021 = 850 triệu kWh (-51% yoy) do thủy điện và NLTT được ưu tiên huy động so với nhiệt điện than. Giá bán điện trung bình trong Q1/2021 đạt mức 1,270 VNĐ/kWh (-1% yoy).

Trong khi đó, LNST trong quý = **138 tỷ VNĐ (+2% yoy)**, tương đương 41% kế hoạch do PPC ghi nhận các khoản thu nhập tài chính đột biến trong Q1/2021, bao gồm khoản cổ tức từ Nhiệt điện Hải Phòng (**97 tỷ VNĐ**) và hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính (**22 tỷ VNĐ**).

Triển vọng kinh doanh 2021:

Trong năm 2021, BSC cho rằng các nhà máy nhiệt điện than không được EVN huy động nhiều do (1) tình hình thủy văn thuận lợi giúp thủy điện được tối ưu công suất và (2) điện NLTT được ưu tiên huy động trong các khung giờ cao điểm trong ngày. Do đó, các nhà máy điện hoạt động lâu năm và có chi phí sản xuất lớn như Phả Lại 1 sẽ bị cắt giảm sản lượng đáng kể.

BSC dự báo **DTT và LNST của PPC lần lượt đạt mức 5,259 tỷ VNĐ (-34% yoy) và 428 tỷ VNĐ (-59% yoy)**, tương đương với EPS = 1,312 VNĐ/CP. Sản lượng điện sản xuất trong năm 2021 của PPC ước đạt **4,4 tỷ kWh (-23% yoy)**, trong đó sản lượng của Phả Lại 1 dự kiến đạt 800 triệu kWh (-56% yoy) và Phả Lại 2 ước đạt 3.6 tỷ kWh (-8% yoy).

Quan điểm đầu tư:

BSC **KHÔNG KHUYẾN NGHỊ** cho cổ phiếu PPC trong năm 2021. Giá cổ phiếu PPC hiện tại đang mức 26,950 VNĐ/CP. Với dự phóng kinh doanh doanh thu và LNST năm 2021 của BSC lần lượt là 5,259 tỷ VNĐ (-34% yoy) và 428 tỷ VNĐ (-59% yoy), BSC cho rằng kế hoạch kinh doanh của PPC tương đối sát với tình hình KQKD trong Q1/2021 cũng như triển vọng kinh doanh trong năm nay. Hiện tại, giá cổ phiếu PPC đang được giao dịch ở mức P/E là 8.7.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	147.5	3.5%	1.0	3,049	13.7	8,654	17.0	4.3	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	96.0	2.2%	1.0	949	5.5	4,974	19.3	3.8	48.8%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	59.0	1.7%	1.5	1,904	2.0	2,087	28.3	2.2	27.3%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.4	1.2%	0.5	325	0.1	3,404	9.8	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	138.3	-0.4%	0.7	20,339	26.2	1,689	81.9	5.7	14.5%	7.1%
VRE	Bất động sản	32.8	1.9%	1.1	3,241	12.4	1,048	31.3	2.5	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	105.0	1.8%	1.1	15,017	39.7	8,314	12.6	4.0	22.5%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.1	0.2%	1.3	542	10.5	(61)		2.0	33.4%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	33.0	3.9%	1.4	927	20.5	2,094	15.8	2.0	45.9%	13.1%
VCI	Chứng khoán	62.2	2.3%	1.0	448	2.9	5,703	10.9	2.1	24.7%	22.1%
HCM	Chứng khoán	31.5	5.0%	1.5	418	7.1	2,462	12.8	2.0	47.0%	16.4%
FPT	Công nghệ	83.0	3.8%	0.9	2,848	11.2	4,520	18.4	4.1	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	77.9	1.2%	0.4	927	0.1	5,165	15.1	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	86.0	0.2%	1.3	7,157	3.1	4,102	21.0	3.4	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	51.0	0.0%	1.5	2,758	4.8	723	70.5	2.9	16.2%	4.5%
PVS	Dầu khí	21.2	1.4%	1.6	441	8.3	1,306	16.2	0.8	8.5%	5.1%
BSR	Dầu khí	15.4	3.4%	0.8	2,076	7.2	(909)	N/A	1.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.5	-0.4%	0.4	566	0.1	5,647	17.6	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	18.9	0.8%	0.7	321	1.3	1,765	10.7	0.9	14.3%	8.6%
DCM	Hóa chất	16.2	1.9%	0.6	372	2.0	1,017	15.9	1.4	3.4%	8.7%
VCB	Ngân hàng	104.0	1.0%	1.1	16,771	10.2	4,975	20.9	4.1	23.3%	21.1%
BID	Ngân hàng	42.0	2.4%	1.3	7,345	5.5	1,740	24.1	2.2	16.9%	9.3%
CTG	Ngân hàng	41.3	5.5%	1.3	6,686	30.4	3,678	11.2	1.8	26.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	51.0	4.1%	1.2	5,443	38.4	4,626	11.0	2.2	23.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	30.3	3.8%	1.2	3,687	21.5	2,965	10.2	1.8	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.4	2.8%	1.0	3,139	9.5	3,557	9.4	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	58.8	-0.3%	0.7	209	0.2	6,385	9.2	1.9	81.6%	21.2%
NTP	Nhựa	35.1	-0.8%	0.5	180	0.1	3,988	8.8	1.5	18.9%	17.8%
MSR	Tài nguyên	20.6	2.5%	0.7	984	0.8	39	528.2	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	56.4	2.5%	1.1	8,125	68.9	4,060	13.9	3.2	30.4%	25.2%
HSG	Thép	30.2	2.7%	1.3	583	12.0	3,387	8.9	1.9	7.7%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	99.5	1.5%	0.7	9,041	15.2	4,770	20.9	6.6	55.6%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	170.0	1.4%	0.8	4,740	1.3	7,064	24.1	5.5	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	100.0	1.8%	0.9	5,107	21.3	1,054	94.9	7.4	32.7%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	20.4	3.6%	1.2	547	3.1	946	21.6	1.6	8.3%	7.4%
ACV	Vận tải	72.7	0.3%	0.8	6,881	0.3	577	126.0	4.2	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	129.5	-0.7%	1.1	2,949	4.6	132		4.5	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	30.2	0.0%	1.7	1,862	1.1	(7,705)		6.8	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.5	4.7%	1.0	439	3.3	1,149	29.2	1.7	37.7%	5.8%
PVT	Vận tải	16.7	3.7%	1.3	235	2.2	2,068	8.1	1.1	12.2%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.8	2.0%	1.0	632	0.9	8,257	11.0	3.8	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.5	1.2%	0.4	653	0.2	1,340	25.0	2.4	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.9	5.0%	0.9	280	0.9	1,566	10.8	1.2	3.1%	11.0%
CTD	Xây dựng	67.5	1.5%	1.0	218	1.3	4,158	16.2	0.6	45.0%	3.8%
CII	Xây dựng	21.4	1.2%	0.5	222	1.7	1,030	20.7	1.1	30.7%	5.1%
REE	Điện	52.3	2.1%	-1.4	703	1.1	5,250	10.0	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.2	2.6%	-0.4	209	0.6	2,438	10.3	1.2	11.3%	13.8%
POW	Điện	12.6	2.0%	0.6	1,283	7.6	1,010	12.5	1.0	3.6%	8.5%
NT2	Điện	21.3	2.4%	0.5	267	0.2	1,872	11.4	1.5	15.2%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	37.1	6.9%	1.1	758	8.4	478	77.7	1.8	21.8%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.0	0%	1.0	2,520	0.0			3.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	41.30	5.49	2.13	17.56MLN
VHM	105.00	1.84	1.69	8.82MLN
VPB	51.00	4.08	1.31	17.74MLN
HPG	56.40	2.55	1.24	28.49MLN
BID	42.00	2.44	1.07	3.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SSB	-0.01	-0.45	853900	1.11MLN
VIC	0.00	-0.45	4.41MLN	607060
VJC	0.00	-0.13	812600	373600
HAG	-0.01	-0.09	12.46MLN	192700
NVL	0.00	-0.08	1.54MLN	611640

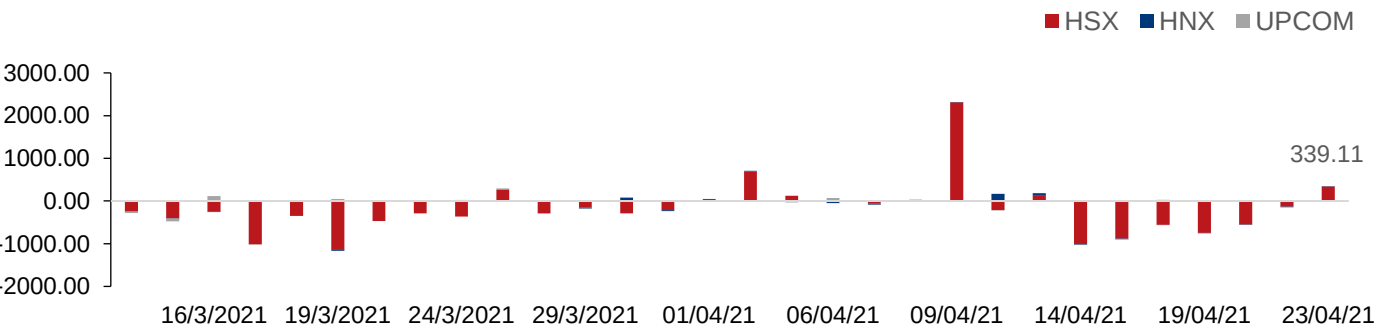
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HMC	24.50	6.99	0.01	451500.00
KDH	35.30	6.97	0.35	7.51MLN
SC5	24.60	6.96	0.01	7200
VIX	33.85	6.95	0.08	13.64MLN
ANV	21.55	6.95	0.05	162600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	5.34	-6.97	0.00	6600
FTM	3.34	-6.96	0.00	79100
VIS	21.40	-6.96	-0.03	27300.00
PXT	2.70	-6.90	0.00	985800
PTC	10.20	-6.85	0.00	9200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.8	1,387	12.1	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.4	3,557	9.4	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.7	577	126.0	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.9	4,043	6.9	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	41.3	3,678	11.2	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.2	13,880	4.0	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.0	6,330	10.9	2.5	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	114.0	6,245	18.3	4.2	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.9	1,765	10.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.0	2,379	11.4	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.1	-61		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.0	4,520	18.4	4.1	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.5	1,149	29.2	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	38.5	6,175	6.2	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	56.4	4,060	13.9	3.2	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	30.2	3,387	8.9	1.9	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.9	1,566	10.8	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.1	478	77.7	1.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	35.3	2,044	17.3	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	20.1			1.5	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.0	3,258	10.7	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	100.0	1,054	94.9	7.4	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	147.5	8,654	17.0	4.3	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.0	4,008	8.7	1.5	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	52.5	7,080	7.4	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.9	1,830	13.6	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.0	4,974	19.3	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.6	1,010	12.5	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.5	0	50.3	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.2	1,306	16.2	0.8	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	170.0	7,064	24.1	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.4	946	21.6	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.5	3,521	11.5	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	104.0	4,975	20.9	4.1	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.1	4,166	9.9	2.2	Click
41	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	15.6	570	27.4	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.7	3,837	9.6	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	99.5	4,770	20.9	6.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	105.0	8,314	12.6	4.0	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	24.3	943	25.7	2.0	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.1	566	17.8	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	126.0	9,476	13.3	5.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	51.0	4,626	11.0	2.2	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.8	1,048	31.3	2.5	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	82.5	4,060	20.3	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639